Logo Protea Image not found or type unknown

# PHIẾU KẾT CA - PROTEA GARDEN

Mã phiếu: 597 | Ngày: 13/10/2026 21:45

## Thông tin ca làm việc

**Người tạo:** trung hữu

**Doanh thu:** 355.000 đ

**Tiền mặt:** 210.000 đ

**Chuyển khoản Tingbox:** 145.000 đ

**Tiền cơm phần:** 0 đ

**Tiền ve chai:** 0 đ

**Tiền xe hơi:** 0 đ

**Doanh thu cả ngày:** 2.816.000 đ

**Tiền mặt cả ngày:** 2.213.000 đ

**Chuyển khoản cả ngày:** 603.000 đ

**Tiền cơm phần cả ngày:** 0 đ

**Tiền ve chai cả ngày:** 0 đ

**Tiền xe hơi cả ngày:** 0 đ

## Nguyên vật liệu cuối ca

| STT | Tên | Tồn thực tế | Cần bổ sung | Bổ sung thực tế | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Bánh Orio | 3.00 Cái | 0.77 Cây | 0.00 Cây | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 2 | Bột Cacao | 153.00 gram | 0.69 Gói | 0.00 Gói | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 3 | Bột Đá Xay | 244.00 gram | 0.76 Gói | 0.00 Gói | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 4 | Bột Milk Foam | 199.00 gram | 0.80 Gói | 0.00 Gói | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 5 | Bơ Đậu Phộng | 199.00 gram | 0.01 hủ | 0.00 hủ | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 6 | Cà Phê | 923.00 gram | 1.08 túi | 0.00 túi | Bổ sung thực tế cuối ca |

| STT | Tên | Tồn thực tế | Cần bổ sung | Bổ sung thực tế | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 7 | Bánh thuyền hạt | 4.00 gram | 0.00 gói | 0.00 gói | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 8 | Sữa chua | 22.00 gram | 0.90 hủ | 0.00 hủ | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 9 | Mứt đào | 199.00 gram | 0.00 chai | 0.00 chai | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 10 | Hồng Trà | 287.00 gram | 0.52 Gói | 0.00 Gói | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 11 | Soda | 10.00 lon | 2.00 Lon | 0.00 Lon | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 12 | Mứt yuzu cam vàng | 714.00 gram | 0.00 chai | 0.00 chai | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 13 | Syrup Bạc Hà | 341.00 ml | 0.31 Chai | 0.00 Chai | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 14 | Syrup Lựu Đỏ | 296.00 ml | 0.58 Chai | 0.00 Chai | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 15 | Mứt Chanh Dây | 368.00 ml | 0.00 Chai | 0.00 Chai | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 16 | Mứt Kiwi | 1160.00 ml | 0.00 Chai | 0.00 Chai | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 17 | Mứt Mãng Cầu | 725.00 ml | 0.00 Chai | 0.00 Chai | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 18 | Mứt Việt Quất | 445.00 ml | 0.00 Chai | 0.00 Chai | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 19 | Mứt Xoài | 500.00 ml | 0.00 Chai | 0.00 Chai | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 20 | Sữa Tươi Không Đường | 501.00 ml | 2.50 Hộp | 0.00 Hộp | Bổ sung thực tế cuối ca |

| STT | Tên | Tồn thực tế | Cần bổ sung | Bổ sung thực tế | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 21 | Syrup Curacao | 225.00 ml | 0.58 Chai | 0.00 Chai | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 22 | Syrup Đào | 317.00 ml | 0.68 Chai | 0.00 Chai | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 23 | Mứt ổi hồng | 826.00 gram | 0.00 chai | 0.00 chai | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 24 | Trà Ô Long | 239.00 gram | 0.60 Gói | 0.00 Gói | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 25 | Nước suối | 24.00 chai | 0.00 chai | 0.00 chai | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 26 | Trà Ô Long Đào | 420.00 gram | 0.30 Gói | 0.00 Gói | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 27 | Trân Châu 3Q Ngọc Trai | 1510.00 gram | 0.24 Gói | 0.00 Gói | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 28 | Sốt Matcha | 278.00 ml | 0.56 Chai | 0.00 Chai | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 29 | Sốt Caramel | 462.00 ml | 0.27 Chai | 0.00 Chai | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 30 | Sốt Chocolate | 206.00 ml | 0.67 Chai | 0.00 Chai | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 31 | Syrup Táo | 677.00 ml | 0.00 Chai | 0.00 Chai | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 32 | Bột Kem Muối | 412.00 ml | 0.00 Gói | 0.00 Gói | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 33 | Bánh yến mạch gạo lức đỏ vị socola | 4.00 Hộp | 0.00 bịch | 0.00 bịch | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 34 | Mít xấy | 3.00 bịch | 0.00 bịch | 0.00 bịch | Bổ sung thực tế cuối ca |

| STT | Tên | Tồn thực tế | Cần bổ sung | Bổ sung thực tế | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 35 | mứt bắp nữ hoàng | 786.00 ml | 0.00 Hộp | 0.00 Hộp | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 36 | mứt hồng chín | 854.00 ml | 0.00 chai | 0.00 chai | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 37 | Bia Heineken bạc | 11.00 Lon | 0.00 Lon | 0.00 Lon | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 38 | Bia Heineken xanh | 16.00 Lon | 0.00 lon | 0.00 lon | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 39 | Cam | 3454.00 gram | 0.00 Kg | 0.00 Kg | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 40 | Cà Rốt | 2426.00 gram | 0.57 Kg | 0.00 Kg | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 41 | Bánh yến mạch gạo lức đỏ | 4.00 gram | 0.00 gram | 0.00 gram | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 42 | Chanh vàng | 377.00 gram | 0.00 gram | 0.00 gram | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 43 | Coca Cola | 17.00 lon | 0.00 lon | 0.00 lon | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 44 | Dưa Hấu | 2245.00 | 0.00 Trái | 0.00 Trái | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 45 | Pepsi | 4.00 lon | 0.00 lon | 0.00 lon | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 46 | Trà dưỡng tâm | 5.00 Gói | 5.00 Gói | 0.00 Gói | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 47 | Trà dưỡng nhan | 5.00 Gói | 5.00 Gói | 0.00 Gói | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 48 | Vải Ngâm | 5.00 Trái | 0.00 Trái | 0.00 Trái | Bổ sung thực tế cuối ca |

| STT | Tên | Tồn thực tế | Cần bổ sung | Bổ sung thực tế | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 49 | Bánh yến mạch gạo lức đỏ muối hồng | 4.00 Bịch | 0.00 Bịch | 0.00 Bịch | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 50 | Bột Matcha | 542.00 gram | 0.00 Gói | 0.00 Gói | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 51 | Trà lài | 234.00 Gram | 0.00 Gói | 0.00 Gói | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 52 | Yaourt | 22.00 Hủ | 0.00 Hủ | 0.00 Hủ | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 53 | Bánh dad | 48.00 Gói | 0.00 Bịch | 0.00 Bịch | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 54 | Cốt chanh | 1210.00 Gram | 0.00 Gram | 0.00 Gram | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 55 | Mứt hạt dẻ cười | 724.00 Gram | 0.00 Gr | 0.00 Gr | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 56 | Sốt caramel muối | 550.00 Gr | 0.00 Gram | 0.00 Gram | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 57 | Syrup Atiso | 199.00 Gram | 0.00 Gram | 0.00 Gram | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 58 | Syrup Bí đao | 179.00 Gr | 0.00 Gr | 0.00 Gr | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 59 | Syrup vải | 546.00 Gram | 0.00 Gram | 0.00 Gram | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 60 | Syrup hazelnut | 356.00 Gram | 0.00 Gram | 0.00 Gram | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 61 | Syrup hoa hồng | 650.00 Gram | 0.00 Gram | 0.00 Gram | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 62 | Syrup trà xanh | 183.00 Gram | 0.00 Gram | 0.00 Gram | Bổ sung thực tế cuối ca |

| STT | Tên | Tồn thực tế | Cần bổ sung | Bổ sung thực tế | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 63 | Syrup vanilla | 447.00 Gram | 0.00 Gram | 0.00 Gram | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 64 | Sốt hạt dẽ cười | 2018.00 Gram | 0.00 Gram | 0.00 Gram | Bổ sung thực tế cuối ca |

Người lập phiếu

.....

Người duyệt

.....